

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC G
TỈNH BẮC G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07 tháng 5 năm 2021
V/v “Ly hôn, trả chấp về nuôi con”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảng và ông Nguyễn Văn Môn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc G tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Đ Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, trả chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị ThA Nga, sinh năm 1979.

HKTT: Tổ Chi Ly 1, phường Trần Phú, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc G.

Địa chỉ: Số 16, tổ 6, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc G.

* Bị đơn: A Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977.

HKTT: Tổ Chi Ly 1, phường Trần Phú, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc G.

Địa chỉ: Số 16, tổ 6, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc G.

(Chị Nga, A Đ đều xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 08/4/2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị ThA Ntrình bày:

Chị và A Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 04/3/2002 tại UBND phường Trần Phú, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc G. Trước khi kết hôn, chị và A Đ có được tự do tìm hiểu, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương.

Chị và A Đ chung sống đến năm 2004 thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do A Đ không chăm lo đến cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Chị và A Đ đã ly thân được khoảng gần 01 năm nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xác định không còn tình cảm với A Đ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A Nguyễn Văn Đ.

- Về phần con chung: Chị và A Đ có 02 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 14/12/2002 và Nguyễn Đ A, sinh ngày 18/8/2006. Hiện nay cả 2 con chung đều đang ở với chị. Đối với con chung Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 14/12/2002 hiện đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được

nuôi con chung Nguyễn Đ A, sinh ngày 18/8/2006 và không yêu cầu A Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang làm kinh doanh online, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và A Đ tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị và A Đ không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 12/4/2021, bị đơn A Nguyễn Văn Đ trình bày:

A và chị Nguyễn Thị ThA N đăng ký kết hôn ngày 04/3/2002 tại UBND phường Trần Phú, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc G và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng A chung sống đến năm 2004 thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong mọi vấn đề của cuộc sống gia đình. Vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi vã, xích mích với nhau. A và chị N đã ly thân được hơn 1 năm. Nay A xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn A đồng ý.

- Về phần con chung: A và chị N có 02 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 14/12/2002 và Nguyễn Đ A, sinh ngày 18/8/2006. Sau khi ly hôn, A đồng ý để chị N được nuôi con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, A và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: A và chị N tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: A và chị N không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Tại Biên bản xác minh ngày 26/4/2021, tổ trưởng tổ dân phố số 6, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc G cung cấp như sau:*** Chị N và A Đ thuê nhà tại địa chỉ số 16, tổ 6, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc G khoảng 01 năm nay. Quá trình chung sống tại địa phương, chị N và A Đ có mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm được. Chị N và A Đ đã ly thân, hiện A Đ không còn chung sống tại địa chỉ trên nữa.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng A Đ xin vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N và A Đ đều xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc G phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị ThA N được ly hôn A Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đ A sinh ngày 18/8/2006 cho chị N nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, A Đ và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại tổ Chi Ly 1, phường Trần Phú, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc G. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Bắc G thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền, đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn Nguyễn Thị ThA N và bị đơn Nguyễn Văn Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân thành phố Bắc G xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và A Đ kết hôn ngày 04/3/2002 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Phú, thành phố Bắc G và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, cả chị N và A Đ đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Chị N và A Đ đã ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng A Đ xin vắng mặt, chị N cương quyết ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và A Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn A Nguyễn Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

[4.1] Chị N và A Đ có hai con chung là Nguyễn Ngọc L-sinh ngày 14/12/2002 và Nguyễn Đ A-sinh ngày 18/8/2006. Hiện nay, cả hai con chung đều sinh sống cùng chị N. Đối với con chung Nguyễn Ngọc L hiện đã trưởng thành nên chị N không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung Nguyễn Đ A. Xét thấy, chị N có việc làm, có thu nhập, nơi ở ổn định nên để tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển tâm, sinh lý, ổn định việc sinh hoạt và học tập của con chung, cần giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đ A-sinh ngày 18/8/2006 đến khi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.3] A Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị ThA Nđược ly hôn A Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị ThA Nnuôi con chung Nguyễn Đ A-sinh ngày 18/8/2006. Về cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

A Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Nphải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001027 ngày 09/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc G. Xác định chị Nđã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc G;
- CCTHADS TP. Bắc G;
- TAND tỉnh Bắc G;
- UBND xã Đồng Sơn, TP Bắc G, tỉnh Bắc G
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Phương Thảo

